TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 400/2021/DS-PT
Ngày 09 - 12- 2021
V/v: Tranh chấp về thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" và "Đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết
Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung
Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc *"Tranh chấp về thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" và "Đòi tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2455/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1945. Nơi cư trú: số 290A T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn Đ - Công ty luật TNHH MTV Bình Thuận. Nơi cư trú: 5C T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

2**. Bị đơn:** Ông Phan Văn Đ1, sinh năm 1969. Nơi cư trú: 288 T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1950. Nơi cư trú: số 290A T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt);

3.2. Ông Phan Văn C, sinh năm 1948. Nơi cư trú: Tổ 5, thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt);

3.3. Ông Phan Văn T, sinh năm 1954 (vắng mặt);

3.4. Ông Phan Văn K, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Tổ 3, thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn C, *ông* Phan Văn T *và ông* Phan Văn K: ông Phan Văn Đ1, sinh năm 1969 (có mặt);

3.5. Ông Phan Văn P, sinh năm 1962. Nơi cư trú: 443 T, khu phố X, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt);

3.6. Bà Phan Thị Nguyệt T, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Lô 6/21 V, khu phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt)

3.7. Bà Phan Thị Trang Đ, Sinh năm 1965. Nơi cư trú: 290B T, thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có mặt);

3.8. Bà Phan Thị N, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (có mặt);

3.9. Anh Phan Lộc U, sinh năm 1978 (có mặt)

3.10. Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1980.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc T: Ông Phan Lộc U, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: 290A T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3.11. Bà Trần Thị H, sinh năm 1967 (có mặt);

3.12. Anh Phan Trọng A, sinh năm 1988 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Phan Trọng A gồm: Ông Phan Văn Đ1, sinh năm 1969; Bà Trần Thị H, sinh năm 1967 và chị Hà Thị Thúy P, sinh năm 1987.

3.13. Anh Phan Trọng N, sinh năm 2003.

Đại diện theo pháp luật của anh Phan Trọng N *và đồng thời là đại diện theo ủy quyền của chị* Hà Thị Thúy P: Ông Phan Văn Đ1, sinh năm 1969.

Cùng cư trú: số 288 T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3.14. Bà Hà Thị G, sinh năm 1948 (vắng mặt);

3.15. Ông Phan Văn H, sinh năm 1968 (vắng mặt);

3.16. Bà Phan Thị H, sinh năm 1969 (vắng mặt);

3.17. Bà Phan Thị H1, sinh năm 1973 (vắng mặt);

3.18. Ông Phan Văn H1, sinh năm 1977(vắng mặt);

3.19. Ông Phan Văn H2, sinh năm 1979 (vắng mặt);

3.20. Ông Phan Văn H3, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3.21. Ủy ban Nhân dân Thành phố P.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Chủ tịch UBND TP P.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn D, chức vụ: Thanh tra viên Thanh tra thành phố P (có đơn xin vắng mặt);

3.22. Phòng công chứng số X tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh S, chức vụ: Trưởng phòng Công chứng (có đơn xin vắng mặt);

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phan Văn Đ; bị đơn ông Phan Văn Đ1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Lộc U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/11/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/11/2017 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Phan Văn Đ trình bày:

Cha, mẹ ông là cụ Phan T (chết năm 2014) và cụ Trần Thị B (chết năm 1996) khi còn sống có tạo lập diện tích đất thổ cư có nhà ở thuộc thửa 754, diện tích 480m2; đất quả số thửa 752, diện tích 240m2; đất rau thuộc thửa 753, diện tích 240m2; đất quả thuộc thửa 443 + 750 + 755, diện tích 2.669m2, tọa lạc tại: thôn Tiến Hưng, xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết. Ngày 18/7/2003, gia đình ông gồm cụ Phan T và 09 người con là Phan Văn Đ, Phan Văn C, Phan Văn T, Phan Thị N, Phan Thị Nguyệt T, Phan Thị Trang Đ, Phan Văn K, Phan Văn P, Phan Văn Đ1 lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, theo đó cụ Phan T cùng 09 người con trên thỏa thuận giao toàn bộ tài sản của cụ Trần Thị B và cụ Phan T cho cụ Phan T trọn quyền sử dụng, sở hữu (văn bản được UBND thành phố P chứng thực ngày 21/7/2003). Khi cụ Phan T còn sống, cụ Phan T ở chung nhà với ông Phan Văn Đ1, ông Phan Văn Đ1 đã lợi dụng tình cảm cha con để giả mạo chữ ký của cụ Phan T trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 89, quyển số 07 TP/CC-SCC/HDGD ngày 22/6/2009 tại Phòng công chứng số X tỉnh Bình Thuận có nội dung: Cụ Phan T tặng cho ông Phan Văn Đ1 thửa đất số 660 diện tích 2.150m^2, thửa đất 755 diện tích 828m^2, thửa đất 750 diện tích 256m^2. Từ hợp đồng tặng cho này, ngày 02/7/2009 Ủy ban Nhân dân Thành phố P đã thay đổi chủ sử dụng sang ông Phan Văn Đ1 trong 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 388441, AP 388442 và AP 388 443 do Ủy ban Nhân dân Thành phố P cấp cùng ngày 19 tháng 6 năm 2009 đứng tên Phan T. Do đó, ông Phan Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Thứ nhất: Tuyên văn bản công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Phan T và ông Phan Văn Đ1 lập ngày 22/6/2009 là vô hiệu.

Thứ hai: Hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 388441, AP 388442 và AP 388 443 do Ủy ban Nhân dân Thành phố P cấp cùng ngày 19 tháng 6 năm 2009 đứng tên Phan T, cập nhật sang tên ông Phan Văn Đ1 gồm: thửa 750 diện tích theo GCNQSDĐ là 256m^2 đất lúa (nay là thửa 653 có diện tích thực tế là 256,6m^2 đất trồng cây lâu năm), thửa 755 diện tích theo GCNQSDĐ là 828m^2 đất lúa (nay là thửa 95 có diện tích thực tế là 895m^2 đất trồng cây lâu năm), thửa 660 diện tích theo GCNQSDĐ là 2.150m^2 đất lúa (nay là thửa 645 có diện tích thực tế là 2.298,3m^2 đất lúa).

Thứ ba: Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan T và bà Trần Thị B theo pháp luật. Cụ thể: Phân chia di sản gồm 03 thửa đất số 750, 755 và 660 cho tất cả những người thừa kế của cụ Phan T gồm: ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn Đ1, ông Phan Văn C, ông Phan Văn T, ông Phan Văn K, ông Phan Văn P, bà Phan Thị Nguyệt T, bà Phan Thị Trang Đ, bà Phan Thị N, bà Hà Thị G, ông Phan Văn H, bà Phan Thị H, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn H1, ông Phan Văn H2, ông Phan Văn H3. Ông Phan Văn Đ có nguyện vọng được nhận hiện vật là phần đất liền kề đất có nhà của ông Phan Lộc U, vì phần đất này giáp với phần đất của nhà ông, các diện tích còn lại giao cho những thừa kế khác.

Ông Phan Văn Đ không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Phan Văn Đ1 về yêu cầu buộc tháo dỡ căn nhà ông Phan Lộc U đang ở. Ông Phan Văn Đ đề nghị Tòa án bác yêu cầu phản tố của bị đơn. Vì ông Phan Văn Đ1 đã giả mạo chữ ký của cụ Phan T trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên ông Phan Văn Đ1 không có quyền yêu cầu phản tố. Ngoài ra, vợ chồng ông dựng nhà tạm cho ông Phan Lộc U làm quán bán cà phê trên thửa đất 750 là do cụ Phan T đã cho ông Phan Lộc U đất vào năm 2002.

Bị đơn ông Phan Văn Đ1 trình bày:

Cha, mẹ ông là cụ Phan T (chết năm 2014) và cụ Trần Thị B (chết năm 1996) có 09 người con như ông Phan Văn Đ trình bày. Ngoài ra, cha ông còn có 01 người con riêng là ông Phan Văn M (đã chết), ông M có vợ tên Hà Thị G và 06 người con gồm: ông Phan Văn H, bà Phan Thị H, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn H1, ông Phan Văn H2, ông Phan Văn H3. Sau khi cụ Trần Thị B chết, phần di sản mẹ ông để lại là ½ trong khối tài sản chung với cha ông cụ Phan T. Ngày 18/7/2003, cha con ông cùng đồng thuận để cụ Phan T đứng tên sở hữu khối tài sản như ông Phan Văn Đ trình bày trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được Phòng tư pháp thành phố Phan Thiết chứng thực ngày 21/7/2003. Từ văn bản thỏa thuận này, cụ Phan T đã sang nhượng một số tài sản, còn lại cụ Phan T làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đứng tên cụ Phan T. Ngày 22/6/2009, cụ Phan T làm hợp đồng tặng cho ông Phan Văn Đ1 03 thửa đất mà hiện nay ông Phan Văn Đ tranh chấp. Việc cụ Phan T làm hợp đồng tặng cho ngày 22/6/2009 là do chị ông bà Phan Thị Trang Đ trực tiếp làm thủ tục và gọi ông ra ký tên vào hợp đồng. Khi thủ tục tặng cho xong thì đưa giấy tờ ông đi làm thủ tục sang tên và đã được UBND thành phố P thay đổi chủ sử dụng đất sang cho ông chứ ông không giả mạo chữ ký của cụ Phan T. Việc cụ Phan T tặng cho ông Phan Văn Đ1 03 thửa đất trên tất cả anh, chị trong gia đình đều biết và không ai phản đối. Năm 2002, vợ chồng ông Phan Văn Đ mượn tạm 77,5m^2 đất thuộc thửa 755 diện tích 828m^2 để cất nhà tạm làm quán cho Phan Lộc U bán cà phê và thỏa thuận hàng tháng anh Phan Lộc U phải đưa cho cụ Phan T 100.000 đồng, anh Phan Lộc U không thực hiện đúng như thỏa thuận mà chỉ đưa được một tháng. Cụ Phan T đòi lại đất nhưng ông Phan Văn Đ và anh Phan Lộc U không trả nên cụ Phan T khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết yêu cầu ông Phan Văn Đ, anh Phan Lộc U trả đất. Ngày 07/4/2014, cụ Phan T chết, trước đó cụ Phan T có viết di chúc đề ngày 19/12/2006 được Phòng công chứng số X tỉnh Bình Thuận công chứng với nội dung di chúc để lại toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của cụ Phan T là quyền sử dụng diện tích đất tại xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết còn lại sau khi cụ Phan T đã chuyển nhượng, trong đó vừa có đất thổ cư, vừa có đất quả, đất trồng rau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 327665 cấp ngày 23/3/1992 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất

cho cho ông Phan Văn Đ1 được trọn quyền sử dụng, sở hữu. Ông Phan Văn Đ1 yêu cầu tòa án công nhận di chúc do cụ Phan T lập ngày 19/12/2006, hợp đồng tặng cho ngày 22/6/2009 là hợp pháp và có đơn phản tố buộc anh Phan Lộc U, chị Nguyễn Thị Ngọc T, ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị B phải tháo dỡ nhà tạm trên đất để trả lại hiện trạng diện tích đất thuộc thửa 755 cho ông. Do đó, ông Phan Văn Đ1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn C, ông Phan Văn T và đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn C*, ông* Phan Văn T *là ông Phan Văn Đ1 trình bày*:

Ông Phan Văn C là con của cụ Phan T và cụ Trần Thị B. Cụ Phan T và cụ Trần Thị B có 09 người con như ông Phan Văn Đ trình bày. Cha mẹ ông có tạo lập khối tài sản như ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn Đ1 trình bày. Ngày 18/7/2003, cụ Phan T cùng 9 người con thỏa thuận lập văn bản phân chia di sản thừa kế. Toàn bộ tài sản của cụ Trần Thị B và cụ Phan T gồm nhà, đất có tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 327665 ngày 23/3/1992 cụ Phan T được quyền sở hữu và sử dụng. Cụ Phan T đã lập di chúc và hợp đồng tặng cho ông Phan Văn Đ1 tài sản của cụ là hợp pháp đề nghị Tòa án công nhận. Ông Phan Văn T, ông Phan Văn C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ. Trường hợp hai văn bản trên Tòa án không công nhận thì yêu cầu chia di sản của cụ Phan T và cụ Trần Thị B theo pháp luật, phần ông Phan Văn C, ông Phan Văn T được hưởng hai ông giao lại cho ông Phan Văn Đ1 hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn K, ông Phan Văn P, bà Phan Thị Nguyệt T, bà Phan Thị Trang Đ và bà Phan Thị N cùng trình bày:

Ông Phan Văn K, ông Phan Văn P, bà Phan Thị Nguyệt T, bà Phan Thị Trang Đ và bà Phan Thị N cùng thống nhất với phần trình bày của ông Phan Văn T và ông Phan Văn C. Đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập ngày 22/6/2009 giữa cụ Phan T với ông Phan Văn Đ1 và Di chúc ngày 19/12/2006 của cụ Phan T là hợp pháp, trường hợp Tòa không công nhận 02 văn bản trên thì đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Phan T theo pháp luật, phần di sản được hưởng ông Phan Văn K, ông Phan Văn P, bà Phan Thị Nguyệt T, bà Phan Thị Trang Đ, bà Phan Thị N đồng ý giao cho ông Phan Văn Đ1 được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, anh Phan Trọng A, chị Hà Thị Thúy P do ông Phan Văn Đ1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Trần Thị H, anh Phan Trọng A, chị Hà Thị Thúy P cùng thống nhất với phần trình bày của ông Phan Văn Đ1 và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị H, anh Phan Trọng A, chị P không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Lộc U, chị Nguyễn Thị Ngọc T:

Anh U đề nghị công nhận phần đất ông đang sử dụng thuộc thửa 755 cho vợ chồng ông. Anh U, chị Nguyễn Thị Ngọc T không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phan Văn Đ1. Trường hợp Tòa án không công nhận quyền sử dụng cho anh U, chị Nguyễn Thị Ngọc T thì vợ chồng anh U cũng không đồng ý tháo dỡ nhà trên đất, vì diện tích đất cha mẹ anh U đã dựng nhà tạm làm quán cà phê là do ông Phan T cho cha ông là Phan Văn Đ và ông Phan Văn Đ đã cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của ông Phan Văn Đ, đối với yêu cầu tháo dỡ tài

sản trên đất của ông Phan Văn Đ1, bà không đồng ý. Việc xây dựng nhà của anh Phan Lộc U con trai bà là đã xin phép chính quyền địa phương nên không bị xử phạt và được sự đồng ý của cụ Phan T. Vì vào năm 2002, vợ chồng bà có đến xin cụ Phan T đất để xây dựng quán cho anh U và cụ Phan T đã đồng ý nên vợ chồng bà cất quán cho con trai Phan Lộc U bán cà phê. Cụ Phan T cho vợ chồng bà đất để xây dựng quán là thỏa thuận nội bộ gia đình chứ không lập văn bản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị G trình bày:

Bà và ông Phạm Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ trước năm 1975, không có đăng ký kết hôn. Bà và ông M có 07 người con gồm: ông Phan Văn H, bà Phan Thị H, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn H1, ông Phan Văn H2, ông Phan Văn H3 và ông Phan Văn H. Bà Hà Thị G xác định bà và các con của bà không tranh chấp trong vụ án, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật, phần di sản mà bà và các con bà được hưởng bà yêu cầu giao cho ông Phan Văn Đ1 nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố P do ông Phạm Văn Diên đại diện theo ủy quyền trình bày: Việc UBND thành phố P cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 388441, AP 388442 và AP 388 443 cùng ngày 19 tháng 6 năm 2009 cho ông Phan T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Trên cơ sở các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên ngày 22/6/2009 ông Phan T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với ông Phan Văn Đ1 và được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Phan Thiết chỉnh lý tại trang 4 của Giấy chứng nhận sang tên ông Phan Văn Đ1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của Phòng công chứng số X tỉnh Bình Thuận bà Trần Thị Thu N trình bày: Ngày 22/6/2009, tại Phòng công chứng số X tỉnh Bình Thuận, bà Trần Thị Thu N có tiếp nhận và thực hiện công chứng hồ sơ của cụ Phan T về việc tặng cho quyền sử dụng đất cho hai con là Phan Văn Đ1 và Phan Thị Trang Đ đối với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 388441, AP 388442, AP 388 443 và số AP 388440, cùng ngày 19/6/2009. Khi thụ lý hồ sơ nói trên bà Trần Thị Thu N có kiểm tra năng lực hành vi của cụ Phan T thì thấy cụ Phan T hoàn toàn minh mẫn và đồng ý tặng cho đất cho hai con là bà Phan Thị Trang Đ và ông Phan Văn Đ1. Quá trình lấy chữ ký của cụ Phan T trong hai hợp đồng tặng cho nói trên, bà Trần Thị Thu N nhận thấy cụ Phan T còn minh mẫn và đồng ý với việc tặng cho của mình nhưng do cụ Phan T già yếu tay run nên bà Trần Thị Thu N chỉ để ông ký tên của mình trên từng trang của hợp đồng, còn họ và tên của cụ Phan T là do công chứng viên bà Trần Thị Thu N ghi trên hợp đồng. Bà Nguyệt xác định, hợp đồng tặng cho nêu trên được bà Trần Thị Thu N chứng nhận đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật về công chứng.

Tại bản án dân sự số 17/2020/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ Khoản 2, khoản 5, khoản 11 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 674, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676, khoản 1 Điều 684, Điều 685, khoản 3 Điều 650, khoản 1 Điều 652, Điều 255, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản

2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ về chia di sản thừa kế theo pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và đòi lại tài sản của ông Phan Văn Đ1.

2. Xác định di sản của cụ Phan T gồm: Thửa đất 750 diện tích 256 m^2 (nay là thửa 653 diện tích 256,6m^2), thửa đất 755 diện tích 828m^2 (nay là thửa 95 diện tích 895m^2), một phần thửa 660 diện tích 2.150m^2 (nay là thửa 645 diện tích thực tế 2.298,3m^2) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 388441, AP 388442, AP 388443 do UBND thành phố P cấp cùng ngày 19/6/2009.

Xác định di sản của cụ Trần Thị B còn lại chưa được các thừa kế thỏa thuận phân chia: 383,05 m^2 thuộc thửa đất số 660 diện tích 2.150 m^2 (đo đạc thực tế 2.298,3m^2) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AP 388443 ngày 19/6/2009 do UBND thành phố P cấp đứng tên ông Phan T cập nhật chủ sử dụng sang ông Phan Văn Đ1.

3. Chia di sản của cụ Trần Thị B cho các thừa kế: ông Phan Văn Đ, Phan Văn Đ1, Phan Văn C, Phan Văn T, Phan Văn K, Phan Văn P, bà Phan Thị Trang Đ, Phan Thị N, Phan Thị Nguyệt T, cụ Phan T mỗi người được 38,3m^2 đất lúa. Phần của ông Phan Văn C, Phan Văn T, K, P, bà Phan Thị Trang Đ, Phan Thị N, Phan Thị Nguyệt T, cụ Phan T được hưởng giao cho ông Phan Văn Đ1 nhận. Phần của ông Phan Văn Đ giao cho ông Phan Văn Đ1 và ông Phan Văn Đ1 có trách nhiệm hoàn lại giá trị 38,3 m^2 đất lúa bằng tiền là 22.328.000 đồng cho ông Phan Văn Đ.

+ Ông Phan Văn Đ1 được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 750 diện tích 256 m^2 (diện tích thực tế 256,6 m^2), thửa 660 diện tích 2.150 m^2 (diện tích thực tế 2.298,3 m^2), 808,5 m^2 thuộc thửa 755 diện tích 828 m^2 (diện tích thực tế 895 m^2).

+ Ông Phan Lộc U, bà Nguyễn Thị Ngọc T được quyền sử dụng 86,5 m^2 có chiều ngang phía trước và phía sau là 5,02 m^2 thuộc thửa số 755 diện tích 828 m^2 (diện tích thực tế 895 m^2). (có sơ đồ vị trí kèm theo)

4. Buộc ông Phan Lộc U, bà Nguyễn Thị Ngọc T phải tháo dở, di dời các tài sản trên phần đất không được giao để trả đất cho ông Phan Văn Đ1.

- Ông ông Phan Lộc U, bà Nguyễn Thị Ngọc T phải hoàn trả cho ông Phan Văn Đ1 121.446.000 đồng giá trị quyền sử dụng 86,5m^2 đất.

- Ông Phan Văn Đ1 phải hoàn trả cho ông Phan Văn Đ 22.328.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản và giám định, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 24 và ngày 25/8/2020 ông Phan Văn Đ1, ông Phan Văn Đ, anh Phan Lộc U làm đơn kháng cáo:

- Ông Phan Văn Đ yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng: tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phan T và ông Phan Văn Đ1 là vô hiệu, đồng thời hủy đăng ký biến động sang tên ông Phan Văn Đ1 ngày 02/7/2009 trên GCNQSD đất số AP 38441, AP 38442, AP 38443 cấp ngày 19/6/2009; tuyên di chúc ngày 19/12/2006 do ông Phan T lập là di chúc không hợp pháp và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan T gồm các quyền sử dụng đất thuộc GCNQSD đất số AP 38441, AP 38442, AP 38443 cấp ngày 19/6/2009 và ông Phan Văn Đ yêu cầu được nhận hiện vật.

- Ông Phan Văn Đ1 yêu cầu sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc anh Phan Lộc U và chị Nguyễn Thị Ngọc T phải giao trả cho ông Phan Văn Đ1 diện tích đất anh Phan Lộc U , chị Nguyễn Thị Ngọc T đang sử dụng thuộc thửa 755 và tháo dỡ toàn bộ tài sản có trên đất.

- Ông Phan Lộc U yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định 200m^2 đất ông Phan T tặng cho ông Phan Lộc U từ năm 2002 không phải di sản do cụ Phan T để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn Phan Văn Đ, bị đơn Phan Văn Đ1 và người liên quan Phan Lộc U giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư của nguyên đơn đề nghị: Chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Phan Văn Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự bà Hà Thị G, ông Phan Văn H, bà Phan Thị H, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn H1, ông Phan Văn H2, ông Phan Văn H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; đại diện UBND Thành phố P, Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Thuận có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ Điều 294, khoản 1 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn Đ, thấy rằng:

- Sinh thời cụ Trần Thị B và cụ Phan T có 9 người con *(gồm ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn C, ông Phan Văn T, bà Phan Thị N, bà Phan Thị Nguyệt T, Phan Thị Trang Đ, ông Phan Văn K, ông Phan Văn P, ông Phan Văn Đ1)*, 2 cụ có tài sản được các bên thừa nhận là các thửa đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 3227665 do Ủy

ban nhân dân thị xã P (nay là thành phố P) cấp đứng tên của cụ Phan T ngày 23/3/1992.

Cụ Trần Thị B mất năm 1996, không để lại di chúc. Ngày 18/7/2003, cụ Phan T cùng 9 người con cùng lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, nội dung: giao tài sản do cụ Phan T và cụ Trần Thị B tạo lập cho cụ Phan T quản lý gồm các thửa đất còn lại sau khi trừ các thửa cụ Phan T đã chuyển nhượng gồm: Thửa số 660 đất lúa diện tích 2.150m² (đo đạc thực tế 2.298,3m^2), thửa số 750 diện tích 256m^2 (đo đạc thực tế 256,6m^2), thửa 755 diện tích 828m² (đo đạc thực tế 895m^2); 03 thửa đất này ông Phan Văn Đ đang tranh chấp với ông Phan Văn Đ1. Còn lại thửa 754 diện tích 748m^2 ông Phan Văn Đ đang tranh chấp với bà Phan Thị Trang Đ ở vụ án khác.

Xét thấy, các thừa kế của cụ Phan T đều đồng ý giao di sản của cụ Trần Thị B cho cụ Phan T là trên cơ sở thoả thuận tự nguyện; Các thửa còn lại 660, 750, 755 cụ Phan T lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 22/6/2009 cho con là ông Phan Văn Đ1. Tuy Kết luận giám định xác định chữ ký, chữ viết tại Hợp đồng tặng cho với mẫu so sánh không do cùng một người viết, ký ra. Nhưng Công chứng viên có văn bản giải thích do cụ Phan Tlớn tuổi tay run nên có viết họ tên giùm, riêng chữ ký thì cụ Phan T tự ký. Trong quá trình tham gia tố tụng (trừ ông Phan Văn Đ), các người con còn lại của cụ Phan T gồm ông Phan Văn Đ1, ông Phan Văn C, ông Phan Văn T, ông Phan Văn K, ông Phan Văn P, bà Phan Thị Trang Đ, bà Phan Thị N, bà Phan Thị Nguyệt T đều công nhận di chúc, công nhận Hợp đồng tặng cho ngày 22/6/2009 là thực tế, đúng với ý chí cụ Phan T.

Tại văn bản số 7049/UBND-TH ngày 23/12/2016 thể hiện UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 388441, AP 388444, AP 388443 cùng ngày 19/6/2009 cho cụ Phan T là đúng trình tự, thủ tục và việc chỉnh lý sang tên ông Phan Văn Đ1 là phù hợp với quy định của Điều 146 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Thấy rằng, mặc dù Hợp đồng tặng cho ngày 22/6/2009 qua giám định, không xác định được chữ ký của cụ Phan T nhưng theo trình bày của các thừa kế (trừ ông Phan Văn Đ) thì cụ Phan T khi còn sống đã định đoạt tài sản còn lại của cụ Phan T là thửa đất 750, 755, 660 cho ông Phan Văn Đ1. Theo Biên bản đối thoại ngày 16/9/2010 tại Ủy ban Nhân dân Thành phố P thể hiện cụ Phan T cũng có yêu cầu ông Phan Văn Đ giao lại đất. Ông Phan Văn Đ, anh Phan Lộc U , bà Phạm Thị B xác định cụ Phan T cho ông Phan Văn Đ một phần thửa đất 755 diện tích 828m^2 (diện tích đo đạc 895m^2) để ông Phan Văn Đ cất quán cho anh Phan Lộc U bán cà phê nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, các thừa kế không thừa nhận.

Như vậy, nội dung Hợp đồng tặng cho đã thể hiện nguyện vọng, ý chí của cụ Phan T. Điều này cũng phù hợp với Biên bản ghi lời khai của cụ Phan T ngày 10/8/2010 tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết và Biên bản đối thoại ngày 16/9/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố P, Di chúc ngày 19/12/2006 là để lại cho ông Phan Văn Đ1 toàn bộ tài sản còn lại của cụ Phan T. Nên Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ về tuyên bố văn bản công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/6/2009 vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với ý nguyện của cụ Phan T.

- Đối với phần di sản là thửa 660 diện tích 2.150m^2 (đo đạc thực tế 2.298,3m^2) là đất ruộng trồng lúa giao khoán cho hộ gia đình gồm cụ Phan T, cụ Trần Thị B, bà Phan Thị Trang Đ, ông Phan Văn P, ông Phan Văn Đ1, anh Anh (con ông Phan Văn Đ1). Phần cụ Phan T đã được cụ Phan T định đoạt tại Di chúc ngày 19/12/2006 cho ông Phan Văn Đ1, còn phần của cụ Trần Thị B chưa được cụ Trần Thị B định đoạt, các thừa kế của cụ Trần Thị B cũng chưa có thỏa thuận. Nên tòa sơ thẩm chia theo pháp luật mỗi người được hưởng 38,3m^2 là phù hợp. Các thừa kế gồm ông Phan Văn C, ông Phan Văn T, ông Phan Văn K, ông Phan Văn P, bà Phan Thị Nguyệt T, bà Phan Thị Trang Đ, bà Phan Thị N thỏa thuận giao diện tích đất này cho ông Phan Văn Đ1, còn phần ông Phan Văn Đ vì là đất lúa, diện tích nhỏ không đủ diện tích để tách thửa nên giao luôn cho ông Phan Văn Đ1, ông Phan Văn Đ1 hoàn lại giá trị 38,3 m^2 đất bằng tiền Chứng thư thẩm định ngày 17/4/2019 của Công ty thẩm định giá Đông Nam 22.328.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn Đ1, thấy rằng:

Phần diện tích 86,5m^2 tại thửa 755 có chiều ngang mặt đường 5,02m được vợ chồng anh Phan Lộc U (con ông Phan Văn Đ) đã sử dụng đất từ năm 2002 làm nơi buôn bán cà phê, sinh sống, ngoài nơi này không còn nơi ở nào khác. Tòa sơ thẩm tiếp tục giao cho vợ chồng anh Phan Lộc U được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất để ở, mưu sinh; đồng thời có nghĩa vụ trả lại giá trị đất cho ông Phan Văn Đ1 là phù hợp với truyền thống, đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Việc ông Phan Văn Đ1 kháng cáo yêu cầu tháo dỡ toàn bộ tài sản có trên đất để giao đất lại cho ông là chưa phù hợp với nhận định trên.

[4]. Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Phan Lộc U, thấy rằng:

Như đã nhận định trên, không có cơ sở để xác định 200m2 đất tại thửa 755 mà anh cho rằng cụ Phan T đã tặng cho anh từ năm 2002 và tại tòa anh cũng thừa nhận việc tặng cho này không có giấy tờ gì. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh.

[5]. Về án phí phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật; ông Phan Văn Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Phan Văn Đ1 và anh Phan Lộc U phải chịu án phí mỗi người 300.000 đồng;

[6]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn Đ, Phan Văn Đ1 và anh Phan Lộc U. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về chia di sản thừa kế theo pháp luật, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Văn Đ. Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và đòi lại tài sản của ông Phan Văn Đ1.

2. Xác định di sản của cụ Phan T gồm: Thửa đất 750 diện tích 256 m^2 (nay là thửa 653 diện tích 256,6m^2), thửa đất 755 diện tích 828m^2 (nay là thửa 95 diện tích 895m^2), một phần thửa 660 diện tích 2.150m^2 (nay là thửa 645 diện tích thực tế 2.298,3m^2) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 388441, AP 388442, AP 388443 do UBND thành phố P cấp cùng ngày 19/6/2009.

Xác định di sản của cụ Trần Thị B còn lại chưa được các thừa kế thỏa thuận phân chia: 383,05 m^2 thuộc thửa đất số 660 diện tích 2.150 m^2 (đo đạc thực tế 2.298,3m^2) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AP 388443 ngày 19/6/2009 do UBND thành phố P cấp đứng tên ông Phan T cập nhật chủ sử dụng sang ông Phan Văn Đ1.

3. Chia di sản của cụ Trần Thị B cho các thừa kế: ông Phan Văn Đ, Phan Văn Đ1, Phan Văn C, Phan Văn T, Phan Văn K, Phan Văn P, bà Phan Thị Trang Đ, Phan Thị N, Phan Thị Nguyệt T, cụ Phan T mỗi người được 38,3m^2 đất lúa. Phần của ông Phan Văn C, Phan Văn T, K, P, bà Phan Thị Trang Đ, Nhỏ, Phan Thị Nguyệt T, cụ Phan T được hưởng giao cho ông Phan Văn Đ1 nhận. Phần của ông Phan Văn Đ giao cho ông Phan Văn Đ1 và ông Phan Văn Đ1 có trách nhiệm hoàn lại giá trị 38,3 m^2 đất lúa bằng tiền là 22.328.000 đồng cho ông Phan Văn Đ.

+ Ông Phan Văn Đ1 được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 750 diện tích 256 m^2 (diện tích thực tế 256,6 m^2), thửa 660 diện tích 2.150 m^2 (diện tích thực tế 2.298,3 m^2), 808,5 m^2 thuộc thửa 755 diện tích 828 m^2 (diện tích thực tế 895 m^2).

+ Anh Phan Lộc U, chị Nguyễn Thị Ngọc T được quyền sử dụng 86,5 m^2 có chiều ngang phía trước và phía sau là 5,02 m^2 thuộc thửa số 755 diện tích 828 m^2 (diện tích thực tế 895 m^2). (có sơ đồ vị trí kèm theo)

4. Buộc anh Phan Lộc U, chị Nguyễn Thị Ngọc T phải tháo dỡ, di dời các tài sản trên phần đất không được giao để trả đất cho ông Phan Văn Đ1.

- Anh Phan Lộc U, chị Nguyễn Thị Ngọc T phải hoàn trả cho ông Phan Văn Đ1 121.446.000 đồng giá trị quyền sử dụng 86,5m^2 đất.

- Ông Phan Văn Đ1 phải hoàn trả cho ông Phan Văn Đ 22.328.000 đồng.

5. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về lãi suất chậm thi hành án, chi phí thẩm định, đo đạt, giám định và án phí sơ thẩm đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Phan Văn Đ được miễn án; ông Phan Văn Đ1 và anh Phan Lộc U phải chịu án phí mỗi người 300.000 đồng; Số tiền Ông Phan Văn Đ nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005686 ngày 28/8/2020 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Lộc U nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005689 ngày 03/9/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận nay được khấu trừ.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Bình Thuận (1);
– VKSND tỉnh Bình Thuận (1);
– Cục THADS tỉnh Bình Thuận (1);
– Các đương sự (28);
– Lưu: hồ sơ (1),VP(3), 37b (PMT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Văn Kết